

Bản án số: 42/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 20 - 10 - 2021

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Tuấn.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Mạnh Hùng;

Bà Đinh Thị Thanh Thủy.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lưu Quốc Trọng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:** Ông Trần Hoàng Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 90/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2021 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 286/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 95/2021/QĐST-DS ngày 20 tháng 8 năm 2021, Thông báo về việc chuyển ngày xét xử vụ án số 200/TB-TA ngày 26 tháng 8 năm 2021 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 278/TB-TA ngày 05 tháng 10 năm 2021; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1993; địa chỉ: xóm Kỳ B, thôn An K, xã Tịnh K, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Quốc Th, sinh năm 1990.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: xóm Kỳ B, thôn An K, xã Tịnh K, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Chỗ ở hiện nay: thôn Cổ Lũy N, xã Nghĩa P, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại đơn khởi kiện ngày 05-3-2021, bản tự khai ngày 19-3-2021, biên bản lấy lời khai ngày 08-4-2021, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Quốc Th là vợ chồng, có đăng ký kết hôn vào ngày 26/5/2014 tại Ủy ban nhân xã Nghĩa P, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi; tuy nhiên không có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống, vì trước khi tổ chức lễ cưới thì cha của anh Th chết nên hai bên gia đình thống nhất không tổ chức.

Trước khi kết hôn, chị và anh Th có thời gian cùng làm công nhân tại thành phố Hồ Chí Minh nên quen biết nhau, có tìm hiểu, yêu thương, tự nguyện đến với nhau, sống chung như vợ chồng và có với nhau một con chung tên Trần Quốc D, sinh ngày 26/4/2014; hôn nhân giữa chị với anh Th không bị lừa dối, không bị ai ép buộc.

Sau khi kết hôn, vì mới sinh con nhỏ và kinh tế của vợ chồng gặp nhiều khó khăn nên chị về sống nương tựa cùng với cha, mẹ ruột của chị tại xóm Kỳ B, thôn An K, xã Tịnh K, thành phố Quảng Ngãi; còn anh Th vẫn ở lại thành phố Hồ Chí Minh làm việc. Đến tháng 2 năm 2016, sau khi ăn tết Nguyên đán xong anh Th đưa mẹ con chị trở lại thành phố Hồ Chí Minh để sinh sống. Tuy nhiên, khi vào lại thành phố Hồ Chí Minh thì anh Th không lo làm ăn mà lo ham chơi, nhậu nhẹt với bạn bè, hay chửi bới và thường xuyên đánh đập chị. Đến ngày 20/8/2016, chị và anh Th đưa con về lại Quảng Ngãi và sống cùng với cha, mẹ đẻ của chị tại xóm Kỳ B, thôn An K, xã Tịnh K, thành phố Quảng Ngãi để làm ăn (*anh Th đi biển cùng với cha của chị, còn chị làm nghề buôn bán ngư lưới cụ*). Đến tháng 02 năm 2020, vợ chồng chị và cháu D (con chung) cắt khẩu từ thôn Cổ Lũy N, xã Nghĩa P, thành phố Quảng Ngãi chuyển khẩu về cùng với cha, mẹ đẻ của chị tại xóm Kỳ B, thôn An K, xã Tịnh K, thành phố Quảng Ngãi để thuận tiện trong việc làm ăn và cho con đi học. Trong quá trình sinh sống, anh Th mặc dù đã có vợ con nhưng không lo làm việc mà thường xuyên ăn nhậu, vì vậy mà cuộc sống vợ chồng hay thường xuyên cãi vã; khác, trong đời sống vợ chồng, anh Th không quan tâm, chăm sóc, lo lắng đến gia đình và con cái; có lối sống thích tự do buông thả, đi làm về không đưa tiền cho chị để lo cho gia đình và nuôi con; cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng kéo dài và trầm trọng hơn, vợ chồng không có tiếng nói chung. Đến tháng 2 năm 2018, anh Th một mình bỏ về sống cùng với mẹ đẻ của anh Th là bà Nguyễn Thị H tại thôn Cổ Lũy N, xã Nghĩa P, thành phố Quảng Ngãi cho đến nay; vợ chồng không gặp nhau, cũng không liên lạc với nhau, nhưng trên thực tế chị với anh Th sống ly thân với nhau từ tháng 12 năm 2016 cho đến nay.

Vợ chồng không có tiếng nói chung, không cùng quan điểm sống, hơn nữa đã sống ly thân với nhau lâu ngày (*từ tháng 12/2016 đến nay*); chị xác định không còn tình cảm với anh Th, mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị đã trầm trọng không thể hàn gắn được. Vào tháng 10 năm 2020, chị có nộp đơn khởi kiện về việc “*ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” với anh Th và được Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi thụ lý, giải quyết; sau khi thụ lý vụ án Thẩm phán đã phân tích, giải thích về hậu quả của việc ly hôn đối với gia đình, xã hội và ảnh hưởng đến con, đồng thời động viên chị nên bỏ qua cho anh Th, vợ chồng về xum họp để cùng nhau nuôi con, do đó chị đã rút đơn khởi kiện và được Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án theo Quyết định số 104/2020/QĐST-HNGĐ ngày 04/12/2020. Tuy nhiên, từ đó đến nay tình trạng hôn nhân của vợ chồng vẫn không cải thiện được, anh Th vẫn không quan tâm, lo lắng hay có động thái gì thể hiện sự quan tâm, lo lắng cho mẹ con chị.

Nay, chị nhận thấy tình trạng hôn nhân của chị và anh Th mâu thuẫn đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị không còn tình cảm với anh Th, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Th để chị sớm ổn định cuộc sống, lao động và làm ăn nuôi con.

Về con chung: Chị và anh Th có với nhau một con chung tên là Trần Quốc D, sinh

ngày 26/4/2014; từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay đều do một mình chị nuôi dưỡng, anh Th không quan tâm, chăm sóc hay phụ cấp gì trong việc nuôi con với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu D; không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con.

Về điều kiện và khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con: Chị nhận thấy có điều kiện tốt hơn anh Th, hiện nay chị có công việc ổn định, đang làm công nhân ở Công ty Miliun tại Khu công nghiệp Visip xã Tịnh Phong, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi với mức lương mỗi tháng 8.000.000 (tám triệu) đồng và có thời gian để chăm sóc, đưa đón con đi học; anh Th hiện nay đang làm nghề biển, đi làm thuê cho các chủ tàu, thu nhập hàng tháng không ổn định và không có thời gian để thường xuyên bên cạnh dạy bảo, chăm sóc, đưa đón con đi học.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Ngoài ra chị Phạm Thị T không trình bày gì thêm và cũng không có yêu cầu gì khác.

\* Bị đơn anh Trần Quốc Th đã được Tòa án tổng đạt các Văn bản tố tụng và Giấy triệu tập để Tòa án làm việc về nội dung trong yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị T, nhưng anh Th không chấp hành, vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến gửi đến Tòa, nên không có ý kiến của bị đơn (*anh Th*) trong hồ sơ vụ án.

*Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; xác định quan tranh chấp và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi là đúng theo quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chấp hành đúng, bị đơn chấp hành chưa đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị T; cụ thể:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T được ly hôn với anh Trần Quốc Th.

Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Quốc D cho chị Phạm Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng, anh Trần Quốc Th không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Phạm Thị T phải chịu án phí theo quy định.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Phạm Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Trần Quốc Th và giải quyết vấn đề con chung; trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án chị trình bày về tài sản chung, nợ chung: Không có. Bị đơn anh Trần Quốc Th có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: xóm Kỳ B, thôn An K, xã Tịnh K, thành phố Quảng Ngãi và có chỗ ở hiện nay tại: thôn Cổ Lũy N, xã Nghĩa P, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, có cơ sở

xác định quan hệ pháp luật khi giải quyết là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự có mặt của các đương sự: Bị đơn anh Trần Quốc Th đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[3] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị T. Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Trần Quốc Th mặc dù không có tổ chức lễ cưới, nhưng có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Nghĩa P, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 69/2014, quyển số 01/2012 ngày 26 tháng 5 năm 2014. Trước khi kết hôn, chị T, anh T có tình cảm, yêu thương và tự nguyện đến với nhau, không bị ép buộc, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các Văn bản tố tụng và Giấy triệu tập để anh Thắng đến Tòa làm việc về nội dung khởi kiện của chị Trinh, nhưng anh Th đều vắng mặt không có lý do, cũng không có ý kiến trình bày hay phản đối yêu cầu khởi kiện của chị T.

Tại biên bản xác minh nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng ngày 23-6-2021 giữa Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi với Ủy ban nhân dân xã Tịnh K và chính quyền địa phương thôn An K, xã Tịnh K, thành phố Quảng Ngãi (*có xác nhận của chính quyền địa phương*) thì trong đời sống vợ chồng của anh Th, chị T có xảy ra mâu thuẫn hay không địa phương không nắm rõ, vì anh Th chị T không báo.

Ngày 10 tháng 6 năm 2021, Tòa án đã có Thông báo về việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải số 428/TB-TA để Tòa án tiến hành hòa giải hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng, nhưng anh Th không đến Tòa, điều đó thể hiện anh Th không có thái độ và hành động thể hiện mong muốn được đoàn tụ. Mặt khác, vào tháng 10 năm 2020, chị T có nộp đơn khởi kiện về việc “*ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” với anh Th và được Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi thụ lý, giải quyết; sau khi Tòa án thụ lý vụ án, chị T đã rút đơn khởi kiện, mục đích là cho anh Th cơ hội, mong muốn vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi con và được Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án theo Quyết định số 104/2020/QĐST-HNGĐ ngày 04/12/2020, tuy nhiên từ đó đến nay tình trạng hôn nhân của vợ chồng vẫn không cải thiện được.

Từ những phân tích và nhận định như đã nêu trên, Hội đồng xét xử có cơ sở để xác định, đời sống chung vợ chồng giữa anh Th và chị T không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng. Vì vậy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị T và cho chị Phạm Thị T được ly hôn với anh Trần Quốc Th là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:

Về con chung: Xét việc quyết định giao con cho cha hoặc mẹ nuôi dưỡng sau khi

ly hôn cần phải dựa trên quyền lợi về mọi mặt của con, về điều kiện trông nom, chăm sóc con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: Chị T có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, có điều kiện để chăm sóc và đưa đón con; cháu D hiện nay còn nhỏ, kể từ khi anh Th và chị T sống ly thân cho đến nay cháu D do chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và phát triển tốt (*có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Tịnh K và chính quyền địa phương thôn An K, xã Tịnh K, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi*); mặc khác, tại bản tự khai ngày 08/4/2021, cháu D có nguyện vọng được ở với mẹ (chị Phạm Thị T). Để đảm bảo về mọi mặt (*vật chất, tinh thần, sự phát triển tâm sinh lý bình thường...*), cần giao cháu D cho mẹ (chị T) tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, khi ly hôn giao con chung là cháu Trần Quốc D cho chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Phạm Thị T không yêu cầu anh Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày không có, bị đơn anh Trần Quốc Th không có ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn chị Phạm Thị T phải chịu án phí sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

[5] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị T về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” với bị đơn anh Trần Quốc Th.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T được ly hôn với anh Trần Quốc Th.

1.2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Quốc D, sinh ngày 26/4/2014 cho chị Phạm Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; anh Trần Quốc Th không cấp dưỡng nuôi con.

*Chị Phạm Thị T và anh Trần Quốc Th đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.*

*Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu theo quy định của pháp luật.*

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày không có, bị đơn anh Trần Quốc Th không có ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0006826 ngày 11/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (20/10/2021), bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP. Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS TP. Quảng Ngãi;
- UBND xã Nghĩa Phú, TP. Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thanh Tuấn**